

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2021/DS-PT**

Ngày 01 - 02 - 2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Hà.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Sơn  
Ông Đào Chí Keo

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Ông Nguyễn Ngọc Bình – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 259/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 151/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 249/2020/QĐPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Quang **H (Ho)**, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Tổ 56, ấp Phú Hòa 1, xã **BH**, huyện **CT**, tỉnh **AG**.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thái B, sinh năm 1971, nơi cư trú: Ấp Hòa Long 4, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 28/12/2020 (Có mặt).

2. Bị đơn:

2.1 Ông Hà Văn **D**, sinh năm 1966 (Có mặt).

2.2 Bà Huỳnh Thị Ngọc **N**, sinh năm 1969 (Có mặt).

Cùng cư trú: Tổ 05, ấp An Phú, xã **AH**, huyện **CT**, tỉnh **AG**.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Bùi Trần Phú Thư là Luật sư của Văn phòng luật sư Phú Thư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Hà Minh **Ng**, sinh năm 1988 (Có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 05, ấp An Phú, xã **AH**, huyện **CT**, tỉnh **AG**.

3.2 Ông Nguyễn Văn **S** sinh năm 1968 (Có mặt).

3.3 Bà Bùi Thị **Nh1**, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Tổ 04, ấp An Phú, xã **AH**, huyện **CT**, tỉnh **AG**.

3.4 Bà Hà Thị **D**, sinh năm 1943 (Có mặt).

3.5 Bà Hà Thị **Nh2**, sinh năm 1960 (Vắng mặt).

3.6 Bà Hà Thị **Đ1**, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Cùng cư trú: Tổ 05, ấp An Phú, xã **AH**, huyện **CT**, tỉnh **AG**.

3.7 Bà Hà Thị Kim **X**, sinh năm 1958 (Có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 13, ấp Vĩnh Thạnh, xã **VH**, huyện **CT**, tỉnh **AG**.

3.8 Ông Hà Văn **H**, chết ngày 14/02/2017 có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là bà Trương Thị Hoa, sinh năm 1944 (Có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 05, ấp An Phú, xã **AH**, huyện **CT**, tỉnh **AG**.

4. Người kháng cáo: Ông Hà Văn **D**, bà Huỳnh Thị Ngọc **N** là bị đơn và anh Hà Minh **Ng** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn là ông Ngô Quang **H** (**Ho**) ủy quyền cho ông Phạm Thái B trình bày:

Do chỗ làm ăn qua lại với nhau nhiều năm từ 2008 đến nay, ngày 02/5/2012 bà Bùi Thị **Nh1** có đến nhà ông **H** hỏi vay số tiền 1.600.000.000đ, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng cho ông Hà Văn **D**, bà Huỳnh Thị Ngọc **N** nên ông **H** mới cho vay, hai bên thỏa thuận miệng, thời hạn vay 5 ngày, lãi suất 0,6%/ngày. Khi hết 5 ngày không thấy bà **Nh1** trả vốn nên ông **H** hỏi bà **Nh1** để đòi số tiền vốn, đến ngày 10/5/2012 anh Hà Minh **Ng** là con của ông **D** và bà **N** đem trả số tiền 300.000.000đ và lãi 4.800.000đ. Sau đó, hai bên thỏa thuận ông **D** hẹn 15 ngày sau trả vốn 1.300.000.000đ và lãi, đúng 15 ngày sau ông **D**, bà **N** không thực hiện việc trả nợ nên ông **H** yêu cầu ông **D** ký tên Tờ biên nhận ngày 30/5/2012 tại nhà bà **Nh1** và mỗi người giữ một bản. Nội dung Tờ biên nhận có hỏi mượn ông Ngô Quang **H** số tiền 1.300.000.000đ và có thể chấp cho ông 6 **Ho** (**H**) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00947QSDĐ/oG ngày 15/02/1995 cấp cho Hà Văn Chơn là cha của ông **D** đã mất, nay ông **D** được quyền sử dụng, hẹn 02 tháng trả dứt nợ nhưng ông **D** và bà **N** không thực hiện. Nay ông **H** yêu cầu ông **D**, bà **N** và anh **Ng** có trách nhiệm liên đới trả cho ông **H** số tiền 1.300.000.000đ và lãi suất theo qui định pháp luật từ ngày 30/5/2012 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, không yêu cầu bà **Nh1** trả số tiền trên. Ông **H** tự nguyện trả cho ông **D** bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00947QSDĐ/oG ngày 15/02/1995 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho ông Hà Văn Chơn.

Bị đơn là ông Hà Văn **D** và bà Huỳnh Thị Ngọc **N** trình bày:

Việc ông **H** khởi kiện ông **D**, bà **N** là không đúng, ông bà xác nhận con (anh **Ng**) là người vay tiền chứ không phải ông bà. Ngày 02/5/2012 anh **Ng** có hỏi vay tiền của bà Bùi Thị **Nh1** (Út S) số tiền 1.600.000.000đ, mục đích vay là đưa cho Phan Thanh Hoài và Huỳnh Quang Thái vay lại để đáo hạn ngân hàng, khi bà **Nh1** giao tiền anh **Ng** không ở nhà nên bà **N** nhận dùm. Sau khi vay anh **Ng** trả cho ông **H** được 300.000.000đ và lãi là 4.800.000đ, hiện nay còn nợ 1.300.000.000đ vốn. Về biên nhận mà ông **H** cung cấp là do bà **Nh1** gọi điện thoại mời ông **D** đến nhà bà **Nh1** để nói chuyện, lúc này có mặt ông **H** tại nhà bà **Nh1** và ông **H** kêu ông **D** ký Tờ biên nhận ngày 30/5/2012 là nợ của ông **H** chứ không phải nợ bà **Nh1**. Tại biên bản hòa giải ngày 13/10/2012 trước yêu cầu của ông **H** thì ông **D** thấy lo cho con nên đồng ý trả thay cho con. Nay ông **H** yêu cầu ông **D**, bà **N** có trách nhiệm liên đới cùng anh **Ng** trả số tiền 1.300.000.000đ và lãi suất theo qui định pháp luật thì ông **D**, bà **N** không đồng ý trả.

Tại đơn yêu cầu phản tố của ông **D** ngày 24/7/2018, ông **D** yêu cầu ông **H** trả lại cho ông 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00947QSĐĐ/oG ngày 15/02/1995 cấp cho ông Hà Văn Chơn, nay ông **D** vẫn giữ yêu cầu phản tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Hà Minh **Ng** trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của cha mẹ là ông **D**, bà **N** trình bày trên. Vào ngày 02/5/2012 anh **Ng** có vay của bà **Nh1** (Út Son) số tiền 1.600.000.000đ đưa cho Phan Thanh Hoài và Huỳnh Quang Thái vay lại để đáo hạn ngân hàng, khi bà **Nh1** giao tiền thì anh **Ng** không ở nhà nên bà **N** nhận dùm. Sau khi vay anh **Ng** đưa tiền trả cho bà **Nh1** thì bà **Nh1** kêu anh đem tiền đến trả cho ông **H** số tiền vốn 300.000.000đ và lãi là 4.800.000đ, hiện nay còn nợ 1.300.000.000đ vốn. Về biên nhận mà ông **H** cung cấp là do bà **Nh1** gọi điện thoại mời ông **D** đến nhà bà **Nh1** để nói chuyện và ông **H** kêu ông **D** ký Tờ biên nhận ngày 30/5/2012 thiếu của ông **H** số tiền 1.300.000.000đ. Nay ông **H** yêu cầu ông **D**, bà **N** và anh có trách nhiệm liên đới trả số tiền 1.300.000.000đ và lãi suất theo qui định pháp luật thì anh không đồng ý trả, anh đồng ý trả cho bà **Nh1** số tiền 1.300.000.000đ.

Bà Bùi Thị **Nh1** trình bày: Do ông **D**, bà **N** là chỗ quen biết, hàng năm ông **D**, bà **N** có hỏi vay tiền bà để đáo hạn ngân hàng, trước ngày 02/5/2012 vợ chồng ông **D**, bà **N** có điện thoại cho bà hỏi vay số tiền 1.600.000.000đ cho con (anh **Ng**) làm ăn, bà có đến nhà ông **H** (6 Ho) lấy 1.600.000.000đ về đưa cho **Ng** nhưng **Ng** không có mặt tại nhà nên bà **N** nhận dùm và bà **N** nói bà yên tâm đưa cho **Ng** số tiền này có gì bà **N** chịu, thời hạn vay đỡ 05 ngày, lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Sau 5 ngày bà không trả vốn như đã hứa với ông **H** và bà điện thoại cho ông **D** nên ngày 10/5/2012 anh **Ng** có gặp bà trả tiền vốn 300.000.000đ và lãi, bà nói với anh **Ng** đem trả cho ông **H** 300.000.000đ vốn và lãi là 4.800.000đ. Sau đó, bà điện thoại cho bà **N**, ông **D** hay để yêu cầu trả tiền cho ông **H** thì ông **D**, bà **N** hứa 15 ngày sau sẽ trả hết nợ, đến 15 ngày không thấy ông **D**, bà **N** trả nợ nên bà có mời ông **D** đến nhà bà để gặp ông **H** bàn giao số nợ được ông **H** và ông **D** đồng ý viết biên nhận nợ với nhau. Nay ông **H** yêu cầu ông **D**, bà **N** và

anh **Ng** trả số tiền 1.300.000.000đ và lãi phát sinh từ ngày 30/5/2012 cho đến ngày xét xử sơ thẩm bà không có ý kiến.

Ông Nguyễn Văn Sơn trình bày: Việc làm ăn qua lại giữa vợ ông (bà **Nh1**) với anh **Ng** và ông **H** thì ông không biết, ngày 31/5/2012 ông có đi cùng ông **H** và anh **Ng** đến gặp ông Hoài để đòi nợ, sau khi gặp ông Hoài có hứa trả cho anh **Ng** nhưng ông Hoài không thực hiện, việc ông đi cùng với anh **Ng** và ông **H** là đi chơi. Nay ông **H** yêu cầu anh **Ng**, ông **D** và bà **N** có trách nhiệm liên đới trả số tiền trên ông không có ý kiến.

Ông Phan Thanh Hoài trình bày: Ông xác nhận có vay anh **Ng** nhiều lần với số tiền 3.100.000.000đ, việc nợ anh **Ng** ông đồng ý trả, còn việc anh **Ng** vay của ông **H** (**Ho**) thì ông không biết nên ông không có ý kiến.

Ông Huỳnh Quang Thái trình bày: Ông xác nhận có vay của anh **Ng** nhiều lần, sau khi kết sổ lại ông còn nợ anh **Ng** số tiền 2.200.000.000đ, ông sẽ thu xếp thu hồi nợ của những người khác để trả cho anh **Ng**, việc nợ giữa ông **H** với ông **D**, bà **N** và **Ng** thì ông không có ý kiến.

Bà Hà Thị **D**, bà Hà Thị Kim **X**, bà Hà Thị **Đ1**, bà Hà Thị **Nh2** và Trương Thị Hoa là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Hà Văn **H** (Đã chết) trình bày: Các ông bà là con của ông Hà Văn Chơn và bà Hồ Thị Đương đã chết. Khi cha mẹ còn sống tạo dựng được khối tài sản là đất sản xuất nông nghiệp diện tích 18.922m<sup>2</sup> theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00947 QSDĐ/oG ngày 15/02/1995 cấp cho ông Hà Văn Chơn, phần đất này ông **D** quản lý và đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho ông **H**, việc thế chấp này anh chị em không hề biết. Nay các ông bà thống nhất với yêu cầu của ông **D** buộc ông **H** trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Hà Văn Chơn đứng tên cho các ông bà để giải quyết việc gia đình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Quang **H** (**Ho**).
- Buộc ông Hà Văn **D**, bà Huỳnh Thị Ngọc **N** và anh Hà Minh **Ng** có trách nhiệm liên đới trả cho ông Ngô Quang **H** (**Ho**) số tiền 2.274.350.000 đồng.

2. Công nhận sự tự nguyện của ông Ngô Quang **H** trả lại cho các ông bà Hà Thị **Đ1**, Hà Thị Kim **X**, Hà Thị **Nh2**, Hà Thị **D**, bà Trương Thị Hoa và ông Hà Văn **D** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00947 QSDĐ/cG, diện tích 18.922m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xã **AH**, huyện **CT**, tỉnh **AG**, tờ bản đồ số 02, các thửa đất số 775, 5189, 3938, 9020, do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp ngày 15/2/1995 cấp cho Hà Văn Chơn, ông Hà Văn **D** đại diện nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Các ông bà Hà Văn **D**, bà Huỳnh Thị Ngọc **N** và anh Hà Minh **Ng** phải chịu 77.487.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông **H** được nhận lại số tiền 25.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 003209 ngày 02/10/2012 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13 tháng 10 năm 2020 ông Hà Văn **D**, bà Huỳnh Thị Ngọc **N** và anh Hà Minh **Ng** nộp Đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2 cho ông **H** 020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Ông **D**, bà **N** đề nghị không buộc ông bà liên đới cùng anh **Ng** trả tiền cho ông **H**, vì số nợ đó do anh **Ng** nợ của bà **Nh1**. Anh **Ng** đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **H**, vì ông không vay tiền của ông **H** mà chỉ vay tiền của bà **Nh1**, các bên chuyển giao nợ không có sự đồng ý của ông.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **D**, bà **N**. Không buộc ông **D**, bà **N** cùng có nghĩa vụ liên đới với anh **Ng** trả cho ông **H** số tiền 1.300.000.000đ và lãi suất phát sinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Văn **D**, bà Huỳnh Thị Ngọc **N** và anh Hà Minh **Ng**. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2020/DS-ST ngày 28/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Ông **D**, bà **N** và anh **Ng** phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Hà Văn **D**, bà Huỳnh Thị Ngọc **N** và anh Hà Minh **Ng** kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của các ông bà theo trình tự phúc thẩm.

Bà Bùi Thị **Nh1**, bà Hà Thị **D**, bà Hà Thị **Nh2**, bà Hà Thị **Đ1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Ngô Quang **H** (**Ho**) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là ông Hà Văn **D**, bà Huỳnh Thị Ngọc **N** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hà Minh **Ng** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo để kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2020/DS-ST ngày 28

tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Ông **D**, bà **N** đề nghị không buộc ông bà liên đới cùng anh **Ng** trả tiền cho ông **H**, vì số nợ đó do anh **Ng** nợ của bà **Nh1**. Anh **Ng** đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **H**, vì anh không vay tiền của ông **H** mà chỉ vay tiền của bà **Nh1**, các bên chuyển giao nợ không có sự đồng ý của anh.

[3] Về kháng cáo của ông **D**, bà **N** và anh **Ng**, Hội đồng xét xử xét thấy vào ngày 02/5/2012 bà **Nh1** đến nhà ông **H** hỏi vay số tiền 1.600.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 0,6%/ngày, thời hạn vay 05 ngày để đáo hạn ngân hàng (ông **H** trình bày cho ông **D** và bà **N** vay, còn bà **Nh1** trình bày cho anh **Ng** vay nhưng giao tiền cho bà **N**). Khi hết 05 ngày bà **Nh1** không trả vốn nên ông **H** hỏi bà **Nh1** để đòi lại tiền. Ngày 10/5/2012 anh **Ng** đến nhà trả cho ông **H** số tiền vốn 300.000.000đ và lãi 4.800.000đ, hẹn 15 ngày sau trả hết vốn và lãi nhưng sau đó không thực hiện. Ngày 30/5/2012 bà **Nh1** hẹn ông **H** và ông **D** đến nhà bà **Nh1** để thỏa thuận việc trả nợ được hai bên là ông **H** và ông **D** đồng ý nên ông **D** ký Tờ biên nhận ngày 30/5/2012 với nội dung “Tôi tên Hà Văn **D** và Huỳnh Thị Ngọc **N** có mượn ông **H** họ Ngô Quang **H** ngụ xã Bình Hòa số tiền 1.300.000.000đ” và thế chấp cho ông **H** bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00947 QSDĐ/cG do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho Hà Văn Chơn ngày 15/02/1995. Việc ông **D** ký Tờ biên nhận ngày 30/5/2012 và thế chấp cho ông **H** bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00947 QSDĐ/cG cấp cho Hà Văn Chơn ngày 15/02/1995 là hoàn toàn tự nguyện. Tại các Biên bản hòa giải ngày 23/10/2012, ngày 01/11/2012, ngày 10/7/2013 và Biên bản đối chất ngày 29/8/2013 ông **D**, bà **N** và anh **Ng** đều thừa nhận còn nợ ông **H** số tiền 1.300.000.000đ và đồng ý trả nợ cho ông **H** số tiền 1.300.000.000đ. Do đó, án sơ thẩm đã buộc ông **D**, bà **N** và anh **Ng** cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông **H** số tiền 1.300.000.000đ là có căn cứ.

Về lãi suất, ông **H** yêu cầu tính lãi đối với số tiền 1.300.000.000đ tính từ ngày 30/5/2012 đến ngày 28/9/2020 là 8 năm 03 tháng 28 ngày theo mức lãi suất 9%/năm bằng 974.350.000đ là phù hợp với Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005 như án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

Ông **D**, bà **N** kháng cáo cho rằng ông bà không vay nợ của ông **H** mà do anh **Ng** vay, làm ăn với bà **Nh1** và ông **H** nên ông bà không đồng ý trả nợ. Tại Tờ biên nhận ngày 30/5/2012 do ông **H** viết rồi kêu ông **D** ký tên để làm tin và ông **D** không đọc lại nội dung biên nhận nên ông **D** không đồng ý liên đới trả nợ cho ông **H**. Còn anh **Ng** cho rằng anh không thiếu nợ ông **H** mà nợ bà **Nh1** nên không đồng ý trả cho ông **H**. Xét lời khai của các đương sự có mâu thuẫn với nhau và anh **Ng**, bà **Nh1**, ông **Son** không cung cấp chứng cứ chứng minh anh **Ng** nợ tiền của bà **Nh1**, ông **Son** nên không có cơ sở xem xét. Như vậy ông **D**, bà **N** và anh **Ng** kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với việc thế chấp Bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00947 QSDĐ/oG do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp cho ông Hà Văn Chơn ngày 15/02/1995, ông **H** ủy quyền cho ông **Bình** đồng ý

trả lại cho ông **D** và các con của ông Chơn như cấp sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ.

[5] Về án phí: Ông **D** có Đơn xin miễn giảm án phí ghi ngày 30/01/2021 nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn theo quy định tại Điều 15 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nên yêu cầu của ông **D** không được chấp nhận. Ông **D**, bà **N** và ông **Ng** mỗi người phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

Các phần khác của bản án các đương sự không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **D**, bà **N** và anh **Ng**. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 151/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành như đã nhận định trên và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 308 và Điều 315 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 471, Điều 473, Điều 474, Điều 476, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2005.
- Khoản 2 Điều 27 và Khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hà Văn **D**, bà Huỳnh Thị Ngọc **N** và anh Hà Minh **Ng**. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 151/2020/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Buộc ông Hà Văn **D**, bà Huỳnh Thị Ngọc **N** và anh Hà Minh **Ng** cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Ngô Quang **H** (**Ho**) số tiền (Vốn 1.300.000.000đ và lãi 974.350.000đ) 2.274.350.000đ (Hai tỷ hai trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Công nhận sự tự nguyện của ông Ngô Quang **H** trả lại cho bà Hà Thị **Đ1**, bà Hà Thị Kim **X**, bà Hà Thị **Nh2**, bà Hà Thị **D**, bà Trương Thị Hoa và ông Hà Văn **D** bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00947 QSDĐ/cG do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp cho Hà Văn Chơn ngày 15/02/1995 có diện tích 18.922m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 02, thửa đất số 775, 5189, 3938, 9020, tọa lạc tại xã **AH**, huyện **CT**, tỉnh **AG** do ông Hà Văn **D** đại diện nhận.

5. Về án phí:

5.1 Ông Hà Văn **D**, bà Huỳnh Thị Ngọc **N** và anh Hà Minh **Ng** phải nộp 77.487.000đ (Bảy mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5.2 Ông Hà Văn **D**, bà Huỳnh Thị Ngọc **N** và anh Hà Minh **Ng** mỗi người phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số 0007293, số 0007294 và số 0007295 cùng ngày 22/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5.3 Ông Ngô Quang **H** được nhận lại số tiền 25.500.000đ (Hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 003209 ngày 02/10/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- TAND.H.Châu Thành
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thúy Hà**